

Số: 33 /2021/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp, quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh Thái Nguyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1656/TTr-SXD ngày 11 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 và thay thế Quyết định số 12/2014/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế phối hợp và chế độ báo cáo về tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *hct*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Thái Nguyên, Đài PT - TH tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, KGVX, TH. *hct*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ký bởi: Văn phòng Ủy ban
nhân dân
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Ngày ký: 22-07-2021 14:41:21
+07:00

Trịnh Việt Hùng

QUY CHẾ

Phối hợp quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2021/QĐ-UBND ngày 22/7/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, bao gồm:

1. Các cơ quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản, dự án bất động sản: các sở, ngành (Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Công Thương; Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp; Cục Thuế tỉnh; Cục Thống kê tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên); Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Các đơn vị có trách nhiệm báo cáo tình hình triển khai xây dựng và kinh doanh của dự án bất động sản do mình làm chủ đầu tư.

3. Các đơn vị, cá nhân, tổ chức có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở, thị trường bất động sản, dự án bất động sản thuộc phạm vi quản lý (các đơn vị tư vấn xây dựng, sàn giao dịch bất động sản; tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản).

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản;

b) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

c) Hệ thống phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác.

2. Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh được xây dựng thống nhất trên toàn tỉnh nhằm cung cấp thông tin cơ bản về nhà ở và thị trường bất động sản cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phục vụ công tác quản lý nhà nước và việc công bố các chỉ tiêu về nhà ở và thị trường bất động sản, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

3. Các thông tin, dữ liệu cung cấp qua mạng thông tin điện tử phải được gửi từ tài khoản điện tử do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu cấp.

4. Các thông tin, dữ liệu cung cấp bằng văn bản phải được xác nhận của người có thẩm quyền của đơn vị (đóng dấu đỏ hoặc sử dụng chữ ký số) kèm tệp dữ liệu (file). Riêng các thông tin được cung cấp theo biểu mẫu quy định thì tệp dữ liệu theo dạng dữ liệu excel hoặc định dạng tài liệu mở “.ods”.

5. Nội dung cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh được quy định tại Điều 8 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp trong việc quản lý, khai thác, sử dụng, duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Việc phối hợp phải kịp thời, đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất, thường xuyên.

2. Cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải bảo đảm phục vụ kịp thời yêu cầu công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc gia.

3. Các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được thu thập, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng phải đảm bảo tính trung thực, khách quan.

4. Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải đảm bảo đúng mục đích, tuân theo các quy định của pháp luật.

Điều 5. Phương thức phối hợp duy trì hệ thống thông tin và cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Sở Xây dựng chủ trì tổ chức tập huấn công tác thu thập thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Tiếp nhận thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp để xây dựng dữ liệu ban đầu; duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh và tích hợp vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhà ở, thị trường bất động sản, dự án bất động sản có trách nhiệm cử cán bộ làm đầu mối để cung cấp thông tin, dữ liệu ban đầu và cung cấp thông tin, dữ liệu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Sở Xây dựng. Hình thức cung cấp thông tin, dữ liệu: bằng văn bản và bằng tệp dữ liệu điện tử.

3. Trường hợp thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp không thống nhất, mâu thuẫn, cần kiểm tra, đối chiếu thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân đó làm rõ, thống nhất về thông tin, dữ liệu để tổng hợp đưa vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

Điều 6. Chế độ bảo mật thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Việc in, sao, chụp, giao nhận, truyền dữ liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu phải tuân theo quy định về bảo mật thông tin, dữ liệu.

2. Cá nhân thực hiện cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được cấp quyền truy cập, cập nhật nhất định trong từng thành phần dữ liệu, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ đối với quyền truy cập thông tin trong các cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

3. Sao lưu dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

a) Các dữ liệu lưu giữ trong cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được sao chép vào các thiết bị lưu trữ thông tin theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật;

b) Dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản phải được thường xuyên sao chép và lưu trữ theo quy định ít nhất 07 ngày 01 lần.

Chương II

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì, có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, lưu trữ và quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh, có nhiệm vụ:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản để cập nhật vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

b) Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp để tích hợp vào cơ sở dữ liệu nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

c) Cung cấp dữ liệu thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

d) Định kỳ công bố các thông tin cơ bản về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

đ) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các chủ đầu tư, sàn giao dịch bất động sản, tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản về việc thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, dữ liệu được quy định.

e) Ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc lưu trữ dữ liệu an toàn trong cơ sở dữ liệu và có biện pháp bảo đảm tính toàn vẹn của thông tin, dữ liệu, định kỳ kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

g) Cấp quyền truy cập cho tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định.

h) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về xây dựng, quản lý, khai thác sử dụng, cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trên địa bàn tỉnh.

i) Lập kế hoạch, dự toán kinh phí cho công tác thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê tại địa phương để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

k) Tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo định kỳ và đột xuất các thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan trong duy trì hệ thống thông tin, cung cấp thông tin, dữ liệu

1. Trách nhiệm chung

a) Phân công đơn vị, cử cán bộ làm đầu mối cung cấp thông tin quy định tại Quy chế này. Danh sách đầu mối ghi đầy đủ: tên đơn vị, họ và tên, chức danh, số điện thoại liên lạc, hộp thư điện tử (email) gửi về Sở Xây dựng bằng văn bản.

b) Định kỳ hằng tháng, quý, năm các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp, gửi thông tin dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo các biểu mẫu quy định tại Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP và gửi về Sở Xây dựng.

c) Chỉ đạo, đôn đốc công tác cung cấp thông tin, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

d) Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu.

2. Sở Tư pháp

a) Thực hiện việc cung cấp, báo cáo thông tin về số lượng giao dịch bất động sản theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Nghị định 117/2015/NĐ-CP thông qua hoạt động công chứng và theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Thông tin, dữ liệu gửi về Sở Xây dựng trước ngày 05 hằng tháng.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến số lượng giao dịch và giá giao dịch bất động sản thông qua công chứng, chứng thực theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu về số lượng các doanh nghiệp đăng ký ngành nghề kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh định kỳ 06 tháng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP và theo Biểu mẫu số 13 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Thông tin, dữ liệu gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo.

b) Thường xuyên cập nhật danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh đối với các dự án do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tham mưu cho cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án theo Luật Đầu tư và Luật Đầu tư công.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án và tiến độ thực hiện dự án theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP theo Biểu mẫu số 9 Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP gửi Sở Xây dựng trước ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau quý báo cáo; cung cấp thông tin, dữ liệu theo Biểu mẫu số 11 Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo.

b) Căn cứ số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, thực hiện cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình sử dụng đất định kỳ 06 tháng trên địa bàn tỉnh theo Biểu mẫu số 11 Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

c) Cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh đối với các dự án đã có quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và việc sử dụng đất theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

5. Cục Thuế tỉnh

a) Thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình thu nộp ngân sách từ đất đai và từ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản định kỳ 06 tháng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP và theo Biểu mẫu số 12 Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Thông tin, dữ liệu gửi về Sở Xây dựng trước ngày 15 tháng đầu tiên của kỳ sau kỳ báo cáo.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ tài chính theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

6. Cục Thống kê tỉnh

Căn cứ kết quả điều tra thống kê, Cục Thống kê cung cấp cho Sở Xây dựng các thông tin, dữ liệu về hoạt động xây dựng và nhà ở như sau:

a) Thông tin về kết quả điều tra hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh định kỳ hằng năm. Thông tin, dữ liệu gửi về Sở Xây dựng trước ngày 20 tháng 1 hằng năm.

b) Thông tin về số lượng, diện tích nhà ở, nhà ở phân theo mức độ kiên cố xây dựng; diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người toàn tỉnh, khu vực đô thị, nông thôn theo kết quả tổng điều tra (10 năm) và điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ (5 năm).

7. Sở Tài chính

a) Chủ trì thẩm định kinh phí xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản của tỉnh.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu của dự án bất động sản do chủ đầu tư báo cáo liên quan đến Sở Tài chính quản lý.

8. Sở Công Thương, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Thái Nguyên

a) Thực hiện việc cung cấp danh sách, thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản (không phân biệt nguồn vốn) trên địa bàn quản lý (khu công nghiệp, cụm công nghiệp) đối với các dự án đã được cấp giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước và tiến độ dự án trong phạm vi quản lý theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu về tình hình quản lý sử dụng nhà chung cư trên phạm vi địa bàn định kỳ 06 tháng theo Biểu mẫu số 10 Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP gửi Sở Xây dựng trước ngày 15 của tháng 1 và tháng 7 hằng năm.

b) Cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở thuộc phạm vi địa bàn quản lý định kỳ hằng năm theo Biểu mẫu số 14, 15 Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP gửi Sở Xây dựng trước ngày 20 tháng 1 của năm sau năm báo cáo.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu về các dự án bất động sản trên địa bàn quản lý đối với các dự án đã được Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã ban hành quyết định chủ trương đầu tư.

d) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến văn bản chấp thuận đầu tư, quyết định phê duyệt dự án và tiến độ triển khai dự án, tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng, tiến độ xây dựng của dự án theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện cung cấp thông tin về số lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động chứng thực trên địa bàn định kỳ hằng tháng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Thông tin, dữ liệu gửi Sở Xây dựng trước ngày mùng 5 của tháng sau tháng báo cáo.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Thực hiện việc cung cấp thông tin về số lượng giao dịch bất động sản thông qua hoạt động chứng thực trên phạm vi địa bàn định kỳ hằng tháng theo Biểu mẫu số 6 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP gửi Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã theo yêu cầu để đảm bảo cung cấp thông tin, dữ liệu về Sở Xây dựng trước ngày mùng 5 của tháng sau tháng báo cáo theo quy định.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến lượng giao dịch, giá giao dịch bất động sản thông qua chứng thực tại báo cáo của chủ đầu tư các dự án bất động sản theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở trên địa bàn quản lý theo yêu cầu của UBND cấp huyện.

11. Sàn giao dịch bất động sản và tổ chức kinh doanh dịch vụ môi giới bất động sản

a) Cung cấp thông tin, dữ liệu về lượng giao dịch, giá giao dịch các loại hình bất động sản theo Biểu mẫu số 1, 2, 3 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Thông tin, dữ liệu gửi Sở Xây dựng trước ngày mùng 5 của tháng sau tháng báo cáo.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến lượng giao dịch, giá giao dịch bất động sản theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

12. Chủ đầu tư các dự án

a) Thực hiện việc cung cấp thông tin về tình hình giao dịch bất động sản của dự án theo Biểu mẫu số 4a, 4b, 4c, 5, 7a, 7b, 7c, 7d Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Thông tin, dữ liệu gửi Sở Xây dựng trước ngày mùng 5 của tháng sau tháng báo cáo.

b) Thực hiện việc cung cấp thông tin về tình hình triển khai các dự án nhà ở, bất động sản và số lượng sản phẩm của các dự án theo Biểu mẫu số 8a, 8b, 8c, 8d Phụ lục kèm theo Nghị định số 117/2015/NĐ-CP. Thông tin, dữ liệu gửi Sở Xây dựng trước ngày mùng 10 của tháng sau quý báo cáo.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thông tin, dữ liệu liên quan đến tình hình giao dịch, triển khai các dự án nhà ở, bất động sản theo khoản 3 Điều 5 Quy chế này.

Chương III

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ NHÀ Ở VÀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Điều 9. Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản

1. Sở Xây dựng cung cấp các thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản quốc gia và cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản địa phương do mình quản lý.

2. Các hình thức khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản gồm:

a) Qua mạng internet; qua trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng;

b) Thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu;

c) Bằng hợp đồng giữa cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản và bên khai thác, sử dụng dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật.

3. Đối tượng, phạm vi khai thác và sử dụng

a) Các cơ quan tham gia xây dựng và duy trì cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được quyền khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình. Việc khai thác dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản ngoài phạm vi quản lý phải được sự chấp thuận của Sở Xây dựng;

b) Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản có liên quan để phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạt động điều tra, xác minh xử lý hành vi vi phạm pháp luật;

c) Các tổ chức, cá nhân ngoài quy định tại điểm a, b khoản này được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản nhằm phục vụ những mục đích chính đáng của mình.

d) Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản không được cung cấp các thông tin ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh của doanh nghiệp, các thông tin mang tính cá nhân trừ trường hợp

phục vụ hoạt động điều tra, xác minh xử lý hành vi vi phạm pháp luật và phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

4. Nguyên tắc, trình tự cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản: Thực hiện theo Điều 14,15,16 Thông tư số 27/2016/TT-BXD.

Điều 10. Kinh phí vận hành, khai thác, quản lý thông tin dữ liệu nhà ở và thị trường bất động sản

1. Nguồn kinh phí cho việc điều tra, thu thập, tổng hợp, tính toán các chỉ tiêu thống kê tại địa phương; xây dựng cơ sở dữ liệu và duy trì hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản được cân đối từ nguồn ngân sách của địa phương hằng năm.

2. Tổ chức, cá nhân được khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản qua mạng Internet, trang điện tử không phải trả chi phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đối với các trường hợp:

a) Khai thác, sử dụng danh mục thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

b) Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của pháp luật được công khai, phổ biến rộng rãi.

3. Đối với các thông tin, dữ liệu ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân được đăng ký cấp quyền truy cập khai thác, sử dụng qua mạng Internet, trang điện tử, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp quyền truy cập cho các tổ chức, cá nhân đăng ký phù hợp với đối tượng và mục đích sử dụng theo quy định.

4. Đối với trường hợp khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu, bên yêu cầu có trách nhiệm thanh toán chi phí dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định cho bên cung cấp. Mức thu, chế độ thu theo quy định của pháp luật.

Số tiền thu được từ dịch vụ cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

5. Đối với các trường hợp khai thác thông tin, dữ liệu cần phải tổng hợp, xử lý trước khi cung cấp cho tổ chức, cá nhân thì thực hiện bằng hình thức hợp đồng.

Việc ký kết hợp đồng giữa cơ quan, đơn vị được giao quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp thông tin hoặc cung cấp không đúng thời hạn, nội dung không chính xác, không đầy đủ theo Quy chế này bị xử lý vi phạm theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 117/2015/NĐ-CP.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.